

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE MÔ TÔ, XE MÁY

(Ban hành theo Quyết định số: 1051/2018/QĐ-TGD ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long)

Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm xe mô tô, xe máy của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là “Bảo Long”) đã được Bên mua bảo hiểm lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm.

Trên cơ sở yêu cầu, lựa chọn loại hình bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định của Người được bảo hiểm, Bảo Long nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này, bao gồm một số hay toàn bộ các loại hình bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm tổn thất toàn bộ xe mô tô, xe máy;
- Bảo hiểm cháy nổ xe mô tô, xe máy;
- Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe máy điện;
- Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe mô tô, xe máy.

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

“**Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy**” là văn bản quy định các điều kiện, điều khoản bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy của Bảo Long ban hành, là căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra đối với xe tham gia bảo hiểm tại Bảo Long. Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy được đăng tải trên website www.baolonginsurance.com.vn.

“**Mô tô, xe máy**” là tất cả các loại xe hai bánh, ba bánh hoạt động trên đường bộ bằng động cơ của chính chiếc xe đó.

“**Bên mua bảo hiểm**” là cá nhân, tổ chức giao kết Hợp đồng bảo hiểm với Bảo Long và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

“**Người được bảo hiểm**” là cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc người được chủ sở hữu xe cơ giới ủy quyền, giao quyền hợp pháp để thực hiện tất cả các quyền của chủ sở hữu hoặc người ngồi trên xe mô tô, xe máy,... tùy theo từng loại hình bảo hiểm.

“**Người thụ hưởng**” là cá nhân, tổ chức được Bên mua bảo hiểm chỉ định thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.

“**Bên thứ ba**” là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:

- (i). Lái xe trên chính chiếc xe đó.
- (ii). Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó.

- (iii). Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.

“Chủ xe cơ giới” (tổ chức, cá nhân) là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, điều khiển xe cơ giới.

“Số tiền bảo hiểm/Mức trách nhiệm bảo hiểm” là số tiền mà Người được bảo hiểm yêu cầu Bảo Long bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

“Giấy yêu cầu bảo hiểm” là văn bản phát hành theo mẫu của Bảo Long và là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm để Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

“Bản chào phí” là văn bản được phát hành theo mẫu của Bảo Long để đề xuất phí bảo hiểm tương ứng với các quyền lợi, phạm vi bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm,... được tóm tắt đính kèm.

“Giấy chứng nhận bảo hiểm” là bằng chứng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm giữa Bảo Long và Người được bảo hiểm, do Bảo Long cấp cho xe được bảo hiểm trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm của Người được bảo hiểm.

“Sửa đổi bổ sung” là bộ phận không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm do Bảo Long phát hành bằng văn bản cho Người được bảo hiểm nhằm xác nhận các thay đổi về nội dung của Hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Người được bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

“Mức khấu trừ” là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận được giao kết giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo Long, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định, Bảo Long bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện thuộc phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm được xác định đã được giao kết trong các trường hợp sau:

- 1.1. Hai bên đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm; hoặc
- 1.2. Người mua bảo hiểm đã ký Giấy yêu cầu bảo hiểm và chuyển giao cho Bảo Long; hoặc
- 1.3. Người mua bảo hiểm đã ký xác nhận vào Bản chào phí.

Với điều kiện là trong mọi trường hợp:

- a) Người mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định; và
- b) Bảo Long đã phát hành và cung cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Người mua bảo hiểm.

2. Thời hạn bảo hiểm

- 2.1. Hiệu lực bảo hiểm được tính từ 23:00 ngày bắt đầu đến 23:00 ngày kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
- 2.2. Trong thời hạn còn hiệu lực bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm theo quy định thì mọi quyền lợi bảo hiểm của chủ xe cũ vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước khi chuyển quyền sở hữu.

3. Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm

- 3.1. Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt trong trường hợp phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ hoặc không đúng hạn theo quy định (trừ khi có thỏa thuận cho nợ phí với điều kiện có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm).
- 3.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn
 - a) Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn theo quy định bằng cách

thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm chấm dứt tối thiểu 15 ngày làm việc.

- b) Trường hợp Người được bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn, trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Bảo Long phải hoàn lại cho Người được bảo hiểm 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Bảo Long không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- c) Trường hợp Bảo Long đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Bảo Long thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm, Bảo Long phải hoàn lại 100% phí bảo hiểm cho Người được bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

4. Nghĩa vụ của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe

- 4.1.** Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe có nghĩa vụ đọc kỹ Quy tắc, điều khoản để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm được đăng tải trên website www.baolonginsurance.com.vn hoặc được Bảo Long cung cấp khi Người được bảo hiểm có yêu cầu.
- 4.2.** Khi yêu cầu bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc người được chủ xe ủy quyền hợp pháp phải kê khai đầy đủ, trung thực về tình trạng xe và những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
- 4.3.** Tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.
- 4.4.** Khi xảy ra tổn thất, Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe phải có nghĩa vụ:
 - a) Thông báo ngay lập tức cho Bảo Long qua hệ thống Call Center theo số điện thoại được in trên Giấy chứng nhận bảo hiểm để được phối hợp giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
 - b) Người được bảo hiểm phải điền đầy đủ thông tin vào giấy “Thông báo tai nạn và Yêu cầu bồi thường” được in sẵn của Bảo Long. Giấy “Thông báo tai nạn và Yêu cầu bồi thường” là tài liệu phải có trong hồ sơ giải quyết bồi thường.
 - c) Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Long; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- 4.5. Người được bảo hiểm phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Long trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 4.6. Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe có nghĩa vụ tham gia chứng kiến việc giám định và ký xác nhận vào Biên bản giám định.
- 4.7. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Người được bảo hiểm phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bảo Long để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo Long kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu, chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo Long để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo Long bồi thường.
- 4.8. Đối với các bộ phận bị thiệt hại cần phải thay thế đã được Bảo Long chấp thuận, Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có nghĩa vụ bàn giao bộ phận đã bị thay thế cho Bảo Long.

Nếu Người được bảo hiểm hoặc Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại **Mục 4** của Quy tắc này, Bảo Long có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.

5. Nghĩa vụ của Bảo Long

- 5.1. Cung cấp cho Người mua bảo hiểm các thông tin nội dung về Quy tắc, điều khoản; quyền lợi và nghĩa vụ của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe khi tham gia bảo hiểm thông qua website www.baolonginsurance.com.vn.
- 5.2. Quyết định về việc giải quyết bồi thường và trả tiền bồi thường:
 - a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ;
 - b) Không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo Long phải tiến hành xác minh hồ sơ;
 - c) Trong trường hợp Bảo Long không đủ thẩm quyền để xác minh hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền;
 - d) Trong trường hợp quá 90 ngày kể từ ngày Bảo Long có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo Long phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét quyết định về việc giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

- 5.3. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Long phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường.
- 5.4. Phối hợp chặt chẽ với Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất.
- 5.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe, Bảo Long sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 5.6. Thông báo Người được bảo hiểm tiến hành sửa chữa sau khi Người được bảo hiểm đã khai báo tổn thất và đã được Bảo Long giám định thiệt hại chi tiết.
- 5.7. Bảo Long có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại **Mục 7** Quy tắc này.

6. Giám định tổn thất

- 6.1. Khi xảy ra tổn thất, Bảo Long hoặc người được Bảo Long chỉ định sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo Long chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 6.2. Trường hợp Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo Long xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì việc xác định cơ quan giám định độc lập sẽ do cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định.
- 6.3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo Long mà Bảo Long phải chịu trách nhiệm bồi thường theo Quy tắc này thì Bảo Long phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Bảo Long, Người được bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập.
- 6.4. Trong trường hợp đặc biệt, Bảo Long không thể thực hiện được việc giám định thì Bảo Long có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ

thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1. Tài liệu do Người được bảo hiểm cung cấp:

- a) Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của Người được bảo hiểm (theo mẫu của Bảo Long);
- b) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
- c) Tài liệu liên quan đến xe, Người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên Bảo Long sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - (i). Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của Người điều khiển xe bị tai nạn;
 - (ii). Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, thuê, cho thuê tài chính, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có).
- d) Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - (i). Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;
 - (ii). Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo Long.
- e) Tài liệu chứng minh thiệt hại về người:
 - (i). Giấy ra viện, bệnh án, giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật do cấp có thẩm quyền xác nhận, các chứng từ bệnh viện khác,...
 - (ii). Giấy chứng tử, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp. Giấy uỷ quyền hợp pháp trong trường hợp uỷ quyền.
- f) Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
- g) Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
- h) Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Bảo Long đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm được Bảo Long giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2. Tài liệu do Bảo Long phối hợp với Người được bảo hiểm để thu thập:

- a) Bản sao có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan Công an, bao gồm:
 - (i). Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - (ii). Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - (iii). Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - (iv). Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - (v). Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - (vi). Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
- b) Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).
- c) Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

7.3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

8. Những điểm loại trừ chung

Bảo Long không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

- a) Hành động cố ý gây tai nạn của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe hoặc người có quyền lợi liên quan, những người được giao sử dụng và bảo quản xe.
- b) Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Người điều khiển xe tham gia giao thông trong thời hạn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe thì bị xác định là không có Giấy phép lái xe. Người điều khiển xe cũng bị xác định là không có Giấy phép lái xe nếu:
 - (i). Bị tạm giữ Giấy phép lái xe theo Biên bản vi phạm hành chính; và
 - (ii). Không chấp hành việc nộp phạt sau khi hết thời hạn nộp phạt; và
 - (iii). Tham gia giao thông sau thời hạn nộp phạt được ghi trên Biên bản vi phạm hành chính.
- c) Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- d) Sử dụng xe mô tô - xe máy để cướp giật, đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên; Lái xe buông hai tay khi đang điều khiển xe, đứng trên xe, dùng chân điều khiển xe, ngồi một bên điều khiển xe, thay người điều khiển khi xe đang

chạy; điều khiển xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh; Lái xe lạng lách, đánh võng, đuối nhau dẫn đến tai nạn; tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động phòng vệ chính đáng.

- e) Sử dụng mô tô, xe máy để kéo đẩy xe khác và dẫn dắt súc vật, mang vác, chở vật cồng kềnh, chở hàng trái phép.
- f) Vận chuyển hàng trái phép, xe chở chất cháy, chất nổ trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển theo quy định của pháp luật.
- g) Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); chạy thử sau khi sửa chữa; xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật, dẫn dắt súc vật, mang vác chở vật cồng kềnh.
- h) Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- i) Thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.
- j) Chiến tranh, khủng bố và các lý do tương tự như nội chiến, bạo động, đình công.
- k) Xe đi vào đường cấm, đường ngược chiều, khu vực cấm, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có đèn chiếu sáng theo quy định.
- l) Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của xe, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, hỏng hóc trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.
- m) Xe chở quá số người được phép chở (trừ trường hợp người điều khiển xe hai bánh chở một người lớn và một trẻ em dưới 07 tuổi; chở người bệnh đi cấp cứu hoặc áp giải tội phạm), chạy quá tốc độ vượt trên 50% tốc độ cho phép theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- n) Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng bạc; đá quý; tiền; các loại giấy tờ có giá trị như tiền; đồ cổ; tranh ảnh quý hiếm; thi hài; hài cốt.

Không áp dụng loại trừ quy định tại mục k, l, m nêu trên đối với **Phần V** Quy tắc này.

9. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm cùng phạm vi bảo hiểm theo nhiều hợp đồng bảo hiểm khác nhau của nhiều doanh nghiệp bảo hiểm. Khi có bảo hiểm trùng, việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm: Bảo Long chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm.
- b) Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các hợp đồng bảo hiểm, mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.
- c) Bảo hiểm trùng không áp dụng đối với bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe mô tô, xe máy.

10. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

10.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.

10.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo Long là 30 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của Bảo Long. Quá thời hạn nêu trên, Bảo Long sẽ không giải quyết khiếu nại.

10.3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm.

10.4. Khi phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm, Bảo Long và Người được bảo hiểm sẽ tiến hành thương lượng để giải quyết. Nếu không thống nhất, một trong hai bên có quyền đưa ra Cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết

11. Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm

Sửa đổi bổ sung chỉ được phát hành trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

Khi Bảo Long phát hành Sửa đổi bổ sung, Người được bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm bổ sung (nếu có) trong thời hạn thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

12. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được quy định theo Biểu phí của Bảo Long đang có hiệu lực tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận.

Đối với trường hợp thanh toán phí bảo hiểm theo kỳ quy định: Bảo Long phải đảm bảo việc đốc thúc Người được bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm đúng kỳ hạn. Hợp

đồng bảo hiểm chỉ phát sinh hiệu lực khi Người được bảo hiểm đảm bảo việc thanh toán phí đúng thời hạn của các kỳ thu phí.

Trường hợp nếu phát sinh tổn thất thuộc trách nhiệm của Bảo Long trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, phí bảo hiểm phải được Người được bảo hiểm thanh toán hết một lần cho cả thời hạn bảo hiểm trước khi Bảo Long thực hiện việc lập hồ sơ bồi thường, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

13. Giới hạn bồi thường

Tổng số tiền bồi thường của Bảo Long trong một vụ tai nạn là số tiền thực tế Người được bảo hiểm phải chi trả để sửa chữa, khắc phục thiệt hại sau khi đã khấu trừ và/hoặc giảm trừ bồi thường (nếu có) và trong mọi trường hợp không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN III. BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE MÔ TÔ, XE MÁY

14. Đối tượng bảo hiểm

Bảo Long chỉ nhận bảo hiểm tổn thất vật chất mô tô, xe máy đối với những xe mô tô, xe máy thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có thời hạn sử dụng dưới 06 năm;
- b) Giá trị thực tế theo thị trường tối thiểu 15 triệu đồng

Thời gian sử dụng tính từ Ngày đăng ký lần đầu ghi trên Giấy đăng ký mô tô, xe máy do cơ quan Cảnh sát giao thông cấp. Nếu Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy không ghi rõ Ngày đăng ký lần đầu thì tính từ ngày sản xuất.

15. Phạm vi bảo hiểm

15.1. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ xe mô tô, xe máy (chỉ bảo hiểm khi các tổn thất đối với xe bị thiệt hại/chi phí sửa chữa thiệt hại vượt quá 75% giá trị thị trường của xe ngay trước khi xảy ra tổn thất).

Bảo Long nhận bảo hiểm tổn thất toàn bộ mô tô, xe máy gây ra do các nguyên nhân và rủi ro sau đây:

- a) Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
- b) Hỏa hoạn, cháy, nổ;
- c) Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;

15.2. Bảo hiểm cháy nổ mô tô, xe máy

Bảo Long nhận bảo hiểm cháy nổ xe mô tô, xe máy gây ra bởi hỏa hoạn, cháy nổ bất ngờ ngoài sự kiểm soát của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe.

15.3. Ngoài số tiền sửa chữa, Bảo Long còn hoàn trả cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo Long khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

- a) Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;
- b) Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất;

16. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các quy định tại **Mục 8 Phần II** của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo Long không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- a) Mô tô, xe máy bị mất cắp, mất cướp trong mọi trường hợp.
- b) Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).
- c) Cháy xe: Tự cháy do Người được bảo hiểm tự ý làm thay đổi chi tiết kỹ thuật của xe, do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra, do hỏng hóc về động cơ, do lỗi cố ý của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe gây ra, xe đang trong giai đoạn bảo hành của nhà sản xuất mà nguyên nhân cháy do các sự cố về lỗi kỹ thuật, quá tải hay chạm điện, chập điện và các nguyên nhân khác do lỗi của nhà sản xuất.
- d) Người được bảo hiểm tự ý thay đổi kết cấu của xe khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- e) Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp và/hoặc tổn thất về xe mô tô, xe máy do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).
- f) Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của xe, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, hỏng hóc trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.

- g) Tổn thất đối với sầm lốp, nhãn mác, lọc gió, lọc khí, lọc nhớt, lọc xăng và các thiết bị thay thế định kỳ tương tự, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn do cháy nổ.
- h) Đối với những tổn thất: Dầu bôi trơn, nước làm mát, nhiên liệu, gas lạnh.

17. Số tiền bảo hiểm và giá trị của xe tham gia bảo hiểm

17.1. Người được bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thực tế của xe (chưa bao gồm các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp) tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

17.2. Bảo Long xác định giá trị thực tế của xe tham gia bảo hiểm theo giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Nếu thị trường không có giá trị xe cho loại xe có yêu cầu bảo hiểm thì xác định như sau:

- a) Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất công bố hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
- b) Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.

Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:

- (i). Thời gian đã sử dụng đến hết 01 năm: 100%;
- (ii). Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm: 85%;
- (iii). Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm: 70%.

Thời gian đã sử dụng của xe được tính: từ ngày đăng ký lần đầu đến ngày tham gia bảo hiểm (đối với xe sản xuất tại Việt Nam) hoặc số năm tính theo năm sản xuất đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng.

18. Giải quyết bồi thường

18.1. Bồi thường tổn thất bộ phận (chỉ áp dụng đối với bảo hiểm cháy nổ)

- a) Bảo Long chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế bộ phận (trường hợp không thể sửa chữa được do hư hỏng trên 75%, ngoại trừ những hạng mục ảnh hưởng đến độ an toàn của xe) hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm để bù đắp tổn

thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, thay thế có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).

- b) Cách xác định số tiền bồi thường:
 - (i). Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm;
 - (ii). Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất;
- c) Bảo Long bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và tính toán bồi thường theo nguyên tắc được quy định tại **Mục 18.1.b Phần III Quy tắc** bảo hiểm này.
- d) Mức khấu trừ áp dụng đối với bảo hiểm vật chất xe là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/vụ tổn thất bộ phận.

18.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- a) Xe được bảo hiểm được coi là tổn thất toàn bộ trong các trường hợp sau:
 - (i). Xe bị thiệt hại trên 75%; hoặc
 - (ii). Chi phí sửa chữa thiệt hại vượt quá 75% giá trị thị trường của xe tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tổn thất.
- b) Khi xảy ra tổn thất toàn bộ, Bảo Long thực hiện bồi thường bằng tiền theo giá trị thị trường của xe ngay trước khi xảy ra tổn thất sau khi đã khấu trừ và/hoặc giảm trừ bồi thường (nếu có) và Bảo Long có quyền thu hồi xe bị tổn thất.

18.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi Bảo Long đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Bảo Long, cụ thể:

- a) Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, Bảo Long sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- b) Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi Bảo Long đã bồi thường toàn bộ xe thì chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của Bảo Long. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Bảo Long thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, Bảo Long sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá

trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của Bảo Long.

- c) Khi thực hiện bồi thường theo **Mục 18.3.b Phần III** Quy tắc bảo hiểm này, Người được bảo hiểm phải thực hiện tất cả các thủ tục theo quy định của Pháp luật để chuyển giao quyền sở hữu xe bị tổn thất cho Bảo Long.

19. Giảm trừ bồi thường

Bảo Long được quyền giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong các trường hợp sau:

- a) Giảm tối thiểu 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
- (i). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thực hiện việc thông báo tai nạn cho Bảo Long theo quy định tại **Mục 4.4** của Quy tắc bảo hiểm này;
 - (ii). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất và các biện pháp khác nhằm hạn chế, khắc phục thiệt hại;
- b) Giảm tối thiểu 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
- (i). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe tự ý di chuyển, tháo gỡ tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Long (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
 - (ii). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe điều khiển xe chạy quá tốc độ đến 50% tốc độ cho phép theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c) Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
- (i). Người được bảo hiểm không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền truy đòi đối với người thứ ba cho Bảo Long kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết và/hoặc không hợp tác chặt chẽ với Bảo Long để truy đòi đối với người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba dẫn đến gây thiệt hại trong việc truy đòi đối với người thứ ba của Bảo Long;
 - (ii). Người được bảo hiểm không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện cho Bảo Long trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- d) Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ 10% đến dưới 50%) được thể hiện trong Giấy đăng ký.

- e) Giảm một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường trong trường hợp Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ, trung thực khi yêu cầu bảo hiểm.
- f) Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong các trường hợp sau:
 - (i). Người được bảo hiểm khai báo hoặc kê khai thông tin yêu cầu bảo hiểm không đầy đủ, trung thực (không đúng mục đích sử dụng của xe, không đúng năm sản xuất,...) dẫn đến thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định của Bảo Long;
 - (ii). Người được bảo hiểm không thông báo cho Bảo Long về những thay đổi dẫn đến sự gia tăng mức độ rủi ro hoặc số tiền bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm với điều kiện các rủi ro này vẫn có thể được bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp,...).

PHẦN IV. BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE MÁY ĐIỆN

20. Người được bảo hiểm

Chủ xe máy điện tham gia giao thông trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

21. Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe máy điện gây ra.

22. Mức trách nhiệm bảo hiểm

Mức trách nhiệm bảo hiểm là số tiền tối đa Bảo Long có thể phải trả đối với thiệt hại về thân thể, tính mạng và tài sản của bên thứ ba do xe máy điện gây ra trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- a) Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về người do xe máy điện gây ra là 100 triệu đồng/người/vụ tai nạn.
- b) Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về tài sản do xe máy điện gây ra là 50 triệu đồng/vụ tai nạn.

23. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các quy định tại **Mục 8 Phần I** của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo Long không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

- a) Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe, lái xe.
- b) Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.

24. Giải quyết bồi thường

Khi tai nạn xảy ra thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Bảo Long sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm theo Nguyên tắc bồi thường được áp dụng theo Quy tắc và Thông tư hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính về **Quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới**.

PHẦN V. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN MÔ TÔ, XE MÁY

25. Người được bảo hiểm

Những người ngồi trên xe mô tô, xe máy bao gồm lái xe và người khác được chở trên xe.

- a) Lái xe là người điều khiển xe mô tô, xe máy tham gia giao thông. Lái xe có thể là Chủ xe hoặc người được Chủ xe cho phép sử dụng mô tô, xe máy.
- b) Người khác được chở trên mô tô, xe máy là người được Lái xe cho phép ngồi trên xe.

26. Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với Người được bảo hiểm trong khi ngồi trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

27. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ quy định tại **Mục 8 Phần I** của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo Long không chịu trách nhiệm trả tiền bảo hiểm đối với thiệt hại về thân thể của chính Người được bảo hiểm trong những trường hợp sau:

- a) Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió bệnh tật, ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không theo chỉ dẫn của cơ quan y tế là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn.
- b) Lái xe, người ngồi trên xe nhảy khỏi xe trong quá trình chạy xe trừ khi gặp tình huống nguy hiểm bất ngờ.

- c) Trong trường hợp qua cầu, qua phà, qua đò xảy ra tai nạn mà nguyên nhân trực tiếp không phải do quá trình điều khiển xe gây ra.
- d) Lái xe, người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không đúng quy cách theo quy định của pháp luật.
- e) Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ.

28. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

- 28.1.** Trường hợp đối tượng bảo hiểm tử vong thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm Bảo Long thanh toán toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 28.2.** Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: Bảo Long trả quyền lợi bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm nêu trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật theo quy định tại **Phụ lục 01** của Quy tắc này.
- 28.3.** Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm được trả như sau:
 - a) Bảo Long thanh toán toàn bộ chi phí y tế thực tế hợp lý phát sinh bao gồm: thuốc men, phẫu thuật, điều trị hay sử dụng các thiết bị y tế theo chỉ định của Bác sĩ, các chi phí hộ lý, thuê phòng, thuê xe cấp cứu + tiền bồi dưỡng trong thời gian nằm viện mức 0,1% STBH/ngày tối đa 180 ngày/năm.
 - b) Mức bồi thường tối đa không vượt quá tỷ lệ áp dụng cho trường hợp thương tật đó nêu trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật theo quy định tại **Phụ lục 01** của Quy tắc này.
- 28.4.** Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì số tiền bồi thường sẽ chi trả theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm và số người thực tế trên xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.
- 28.5.** Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật sẵn có của Người được bảo hiểm hoặc điều trị vết Thương không kịp thời và không theo chỉ dẫn của Cơ quan y tế, Bảo Long chi trả quyền lợi bảo hiểm như đối với loại vết thương tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.
- 28.6.** Trường hợp đa vết thương ở cùng một bộ phận, tổng số tiền chi trả cho các vết thương không vượt quá tỷ lệ mấy bộ phận đó tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật quy định tại **Phụ lục 01** của Quy tắc này.

29. Trả tiền bảo hiểm

Số tiền chi trả bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN QUỐC DŨNG

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Được phê chuẩn kèm theo công văn số 12163/BTC-QLBH ngày 29/08/2014 của Bộ tài chính và Ban hành kèm theo Quyết định số 1453/2014/BHBL-QĐ-TGD-QLNV ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long)

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	100%
3. Hỏng toàn bộ chức năng nhai và nói	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống).....	100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân.....	100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia.....	100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)	100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

Chi Trên

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay.....	65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái)	45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ	40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5	32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác.....	37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác.....	32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác.....	37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa	32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn	27%
- Mất trọn ngón cái	22%
- Mất cả đốt ngoài	12%
- Mất ½ đốt ngoài	08%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn	22%
- Mất ngón trỏ	20%
- Mất 2 đốt 2 và 3	10%
- Mất đốt 3.....	09%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn)	20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn.....	17%
- Mất 2 đốt 2 và 3	10%
- Mất đốt 3.....	05%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn	17%
- Mất cả ngón út	12%
- Mất 2 đốt 2 và 3	09%
- Mất đốt 3.....	05%
23. Cứng khớp bả vai.....	30%

24. Cứng khớp khuỷu tay.....30%
25. Cứng khớp cổ tay.....30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả.....30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.....40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....08%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%) 08 - 16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường08%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gờ, cứng vai.....18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gờ, cứng vai25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai.....30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai.....35%

66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật.....	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật.....	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%)	03 - 12%

Chi Dưới

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi).....	80%
74. Cắt cụt 1 đùi	
- 1/3 trên.....	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	60%
77. Mất xương sên	37%
78. Mất xương gót.....	40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	40%
80. Mất đoạn xương mác	25%
81. Mất mắt cá chân	
- Mắt cá ngoài	12%
- Mắt cá trong	17%
82. Mất cả 5 ngón chân	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái	42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái.....	40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5	27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2	22%
88. Mất 1 ngón cái.....	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái	10%
91. Cứng khớp háng	50%
92. Cứng khớp gối	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- ít nhất 5 cm.....	42%
- từ 3 - 5 cm	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ.....	30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi.....	55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%

109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật	15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật.....	25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật	10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật	20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt.....	15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối.....	25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật	10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật	20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân tốt	15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế	20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	07 - 15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật.....	15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật.....	20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	04 - 12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo.....	25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo.....	32%
133. Gãy ụ ngồi.....	25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình.....	20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình	30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu	40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ	55%
138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	10%
139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	15%
140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	25%
141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	35%

Cột Sống

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống.....	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên	50%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy	40%

146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật.....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật.....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật.....	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật.....	45%

Sọ Não

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm.....	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm	60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	
- nói ngọng , nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	35%
- không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	65%
- mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke	60%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ).....	50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn	45%
157. Vết thương sọ não hở , lún xương sọ	45%
158. Vết thương sọ não hở , nhiều mảnh xương đi sâu vào não	55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường , lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật.....	20%
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường , lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật	30%
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật	30%
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật	40%
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật	40%
164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật	50%
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não	15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não.....	50%
167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹp não	55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện.....	50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	40%

Lồng Ngực

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn	17%
171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%).....	25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%)	08%
173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi	75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%	70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	55%
176. Cắt 1 thùy phổi	40%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật.....	07%
178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật.....	12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật.....	15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật	25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	25%

183. Mề hoặc rạn nứt xương ức.....	12%
184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	08%
185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu)	25%
186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế	65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt	40%

Bụng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày.....	80%
190. Cắt đoạn dạ dày.....	55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	80%
192. Cắt đoạn ruột non	45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng.....	80%
194. Cắt đoạn đại tràng	55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần	75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần	65%
197. Cắt ½ của một thùy gan	60%
198. Cắt 1/3 của một thùy gan	40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan	30%
200. Cắt bỏ túi mật.....	50%
201. Cắt bỏ lá lách	45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách.....	65%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày.....	30%
204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng)	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan	40%
207. Khâu vỡ lách	25%
208. Khâu tụy.....	32%

Cơ quan tiết niệu, sinh dục

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý.....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con.....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi.....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con	35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi.....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên	25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên	50%
220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên	17%
221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang.....	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	06%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa)	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn.....	75%
227. Khâu lỗ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

Mắt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	15%
232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi	90%

Tai –Mũi – Họng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe)	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2 - 4 m còn nghe)	20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ	08%
241. Mất vành tai 2 bên	30%
242. Mất vành tai 1 bên	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20%
244. Mất mũi hoàn toàn	40%
245. Biến dạng mũi	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	30%

Răng - Hàm - Mặt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến ½ bị mất từ cạnh cao trở xuống	40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay gãy vỡ xương	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả	25%
254. Mất từ 5 đến 7 răng	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng	04%
257. Mất ¾ lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	25%
263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30%
264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	20%

Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc ... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:	
- Từ 2 cm – 4 cm	02%
- Từ 4 cm – 7 cm	03%
- Từ 7 cm – 10 cm	04%
- Từ 10 cm – 15 cm	05%

- Trên 15 cm	07%
267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:	
- Dưới 9 cm ²	02%
- Từ 9 cm ² đến 12 cm ²	03%
- Từ 12 cm ² đến 16 cm ²	04%
- Từ 16 cm ² đến 24 cm ²	06%
- Từ 24 cm ² đến 30 cm ²	08%
- Từ 30 cm ² đến 35 cm ²	10%
- Trên 35 cm ²	12%
(Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)	
268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	04%
269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân	02%
270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	07%
271. Bỏng nông (độ I, độ II)	
- Diện tích dưới 5%	04%
- Diện tích từ 5 - 15%	12%
- Diện tích trên 15%	20%
272. Bỏng sâu (độ III, độ IV)	
- Diện tích dưới 5%	22%
- Diện tích từ 5 - 15%	40%
- Diện tích trên 15%	70%

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên	
275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.	
278. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	25%

NGUYÊN TẮC THANH TOÁN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Việc thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo bảng này tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, quyền lợi bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.